

Bản án số: 66/2018/DS-PT

Ngày: 21.11.2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán:

Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Bà **Thái Thị Phi Yến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt** - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2018/QĐPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lưu Trường S** - Sinh năm: 1964 và bà **Trần Thị T (T)** - Sinh năm: 1962. Cùng địa chỉ: Số 89 đường L, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ánh T** - Sinh năm: 1973. Địa chỉ: Số 127 đường H, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 08/10/2018). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn K** - Sinh năm: 1965 và bà **Võ Thị Kim L** - Sinh năm: 1965. Cùng địa chỉ: Số 154 đường L, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Võ Thị Kim L ủy quyền cho ông Trương Văn K tham gia tố tụng. (Theo giấy ủy quyền ngày 15/3/2018). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông **Trương Văn K** và bà **Võ Thị Kim L** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Ánh T trình bày:*

Từ tháng 3/2010 đến tháng 6/2014, ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T (T) có cho ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L vay số tiền 50.000.000 đồng, 04 cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và nợ tiền lãi là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền ông K, bà L nợ ông S, bà T là 04 (bốn) cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Khi vay tiền ông K, bà L thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả tiền lãi từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Sau đó, ông K, bà L có trả tiền lãi từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng được vài tháng thì không trả. Khi mượn vàng ông K, bà L có giao cho ông S, bà T giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ cấp ngày 15/01/2007 đứng tên bà Võ Thị Kim L và ông Trương Văn K. Kể từ tháng 7/2015 đến nay, mặc dù ông S, bà T nhiều lần làm việc và yêu cầu ông K, bà L trả số nợ trên nhưng ông K, bà L vẫn không trả nợ, thậm chí còn có thái độ thô lỗ, thách thức nên ông S, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K, bà L trả số nợ là 90.000.000 đồng, 04 cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và tiền lãi từ tháng 7/2015 tạm tính đến tháng 12/2017 là 58.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà L trả dứt điểm một lần số tiền nợ là 90.000.000 đồng, 04 cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 7/2015 đến ngày xét xử ngày 16/8/2018 theo mức lãi suất 1.125%/tháng trên số tiền mượn 50.000.000 đồng là 20.548.125 đồng. Sau khi, ông K, bà L trả hết số tiền nợ thì ông S, bà T sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2007 cho ông K, bà L.

** Tại văn bản ngày 22/01/2018, biên bản hòa giải ngày 06/4/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn K trình bày:*

Ông Trương Văn K xác nhận từ tháng 3/2010 đến tháng 6/2014, vợ chồng ông có vay của ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), 04 (bốn) cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và nợ tiền lãi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Vợ chồng ông vay tiền, vàng là để làm ăn. Khi vay hai bên có thỏa thuận trả lãi nhưng mức lãi suất bao nhiêu ông không nhớ. Hàng tháng vợ chồng ông có trả tiền lãi cho ông S, bà T từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến thời gian nào thì ông không nhớ. Sau này, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa thanh toán được khoản nợ trên và tiền lãi cho ông S, bà T. Khi vay vàng và tiền, vợ chồng ông có giao cho ông S, bà T giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2007 đứng tên Võ Thị Kim L và Trương Văn K. Nay ông S, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông trả số tiền nợ là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), 04 (bốn) cây (lượng) vàng lá 9999 hiệu SJC và tiền lãi tính từ tháng 7/2015 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1.125%/tháng đối với số tiền mượn 50.000.000 đồng thì ông đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay gia đình rất khó khăn nên không trả một lần được mà xin được trả

dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:**

Căn cứ vào: - Các Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T đối với ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T 04 (bốn) cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC và số tiền 110.548.125 đồng (*Một trăm mười triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền nợ là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 20.548.125 đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2007 đứng tên bà Võ Thị Kim L, ông Trương Văn K sau khi ông Kỳ, bà L trả xong khoản nợ trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L phải chịu là 12.869.406 đồng (*Mười hai triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng*). Hoàn trả cho ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T 7.374.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000193 ngày 27/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải thích về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo pháp luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2018 ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng Loan về khoản tiền lãi theo hướng buộc ông K, bà L phải chịu số tiền số lãi 13.697.260 đồng trên số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ tháng 7/2015 đến ngày 16/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Từ năm 2010 đến năm 2012, vợ chồng ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L có vay, mượn của vợ chồng ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T với tổng số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); 04 (bốn) cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC. Cụ thể: Ngày 12/3/2010, ông K và bà L vay 20.000.000 đồng và 04 cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC, đồng thời ông K và bà L có giao cho ông S và bà T giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ cấp ngày 15/01/2007 đứng tên bà Võ Thị Kim L và ông Trương Văn K; ngày 20/3/2012, ông K và bà L tiếp tục của vay ông S và bà T số tiền 30.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền và vàng vợ chồng ông K và bà L đều có viết giấy tờ cho vợ chồng ông S và bà T. Ngoài ra, vợ chồng ông K và bà L còn nợ tiền lãi vợ chồng ông S và bà T từ tháng 11/2003 đến tháng 6/2015 tổng cộng 20 tháng tiền lãi là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), có viết giấy giấy nợ tiền lãi ngày 20/6/2015.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định giữa ông S và bà T với ông K và bà L có xác lập quan hệ vay tài sản quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về loại hợp đồng vay tài sản: Trong các giấy vay vàng, mượn tiền các bên không thỏa thuận về nghĩa vụ chịu lãi và thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T và bị đơn ông K đều thống nhất xác nhận tiền lãi hàng tháng mà bên vay phải chịu là từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Thực tế đến ngày 20/6/2015, hai bên cũng thỏa thuận về việc ông K và bà L còn nợ tiền lãi tính từ tháng 11/2003 đến tháng 6/2015 là 40.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hợp đồng vay tiền và vàng giữa vợ chồng ông K và bà L với vợ chồng ông S và bà T là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi.

[3] Xét kháng cáo của ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: “... *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi*

lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”. Ông S, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông K, bà L trả tiền và vàng nhưng ông K, bà L không thực hiện nên ông S, bà T khởi kiện yêu cầu ông K, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền và vàng trên. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T buộc ông K, bà L có nghĩa vụ trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 04 (bốn) cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với số tiền lãi là 40.000.000 đồng theo Giấy viết nợ tiền lãi ngày 20/6/2015: Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông K đều xác nhận đây là khoản nợ tiền lãi của nhiều năm trước cộng dồn lại (Từ tháng 11/2003 ông S, bà T đã cho ông K, bà L vay mượn tiền nhiều lần), cộng với tiền lãi của 20 tháng (Đối với khoản vay từ năm 2010 đến tháng 6/2015) và ông K đồng ý trả khoản tiền lãi nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K, bà L trả cho ông S, bà T số tiền nợ lãi 40.000.000 đồng là phù hợp với Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu tính lãi từ tháng 7/2015 đến ngày 16/8/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm): Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1.125%/tháng (13.5%/ năm) trên số tiền vay 50.000.000 đồng là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 36 \text{ tháng} \times 1.125\% / \text{tháng} = 20.548.125 \text{ đồng}$ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông K bà L phải trả cho ông S bà T số tiền lãi là 20.548.125 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T thay đổi nội dung yêu cầu ông K, bà L phải chịu lãi suất là 0.75%/tháng (9%/ năm) trên số tiền gốc là 50.000.000 đồng tính từ tháng 7/2015 đến ngày 16/8/2018 là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 36 \text{ tháng} \times 0.75\% / \text{tháng} = 13.697.260 \text{ đồng}$. Còn ông K đề nghị xem xét lại khoản tiền lãi mà bà T yêu cầu vợ chồng ông phải trả vì hoàn cảnh của ông hiện nay gặp nhiều khó khăn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, nội dung thay đổi yêu cầu tính lãi của bà Tuyết là có căn cứ phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005) nên được chấp nhận và sửa một phần án sơ thẩm buộc ông K, bà L có nghĩa vụ trả số tiền lãi 13.697.260 đồng trên số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ tháng 7/2015 đến ngày 16/8/2018.

Như vậy, tổng số tiền ông K và bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông Sơn và bà Tiếng là: $50.000.000 \text{ đồng} + 40.000.000 \text{ đồng} + 13.697.260 \text{ đồng} = 103.697.260 \text{ đồng}$ và 04 (bốn) cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông K đề nghị xem xét lại khoản tiền lãi vì hoàn cảnh của ông hiện nay gặp nhiều khó khăn là phù hợp với nội dung thay đổi yêu cầu tính lại tiền lãi của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[4] Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2007 đứng tên bà Võ Thị Kim L, ông Trương Văn K hiện nay ông Lưu Trường S, bà Trần Thị T hiện đang giữ. Sau khi, ông K và bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả khoản nợ trên thì ông S và bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà L.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $[103.697.260 \text{ đồng} + 146.840.000 \text{ đồng} (04 \text{ cây (lượng) vàng 9999 hiệu SJC} \times 36.710.000 \text{ đồng}) \times 5\%] = 12.526.863 \text{ đồng}$.

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông S, bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.374.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000193 ngày 27/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lưu Trường S và bà Trần Thị Tiếng 04 (bốn) cây (lượng) vàng, loại vàng lá 9999 hiệu SJC và số tiền 103.697.260 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Sau khi ông Trương Văn K, bà Võ Thị Kim L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 986707 do Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2007 đứng tên bà Võ Thị Kim L, ông Trương Văn K.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn K và bà Võ Thị Kim L phải chịu là 12.526.863 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*).

3.2. Hoàn trả cho ông Lưu Trường S và bà Trần Thị T 7.374.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000193 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn K, bà Võ Thị Kim L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trương Văn K, bà Võ Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0005368 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn